TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 73/42, Tổ A, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đinh Văn T, sinh năm 1976. HKTT: xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Tạm trú: Số 73/42, Tổ A, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn T là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56/2011, quyển số 01 cấp ngày 06/07/2011 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau ngày kết hôn, bà T và ông T sống hạnh phúc đến năm 2018, thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống. Nhưng vì hạnh phúc gia đình, bà T đã cố gắng chịu đựng để duy trì hôn nhân mà không nhờ gia đình can thiệp hay chính quyền địa phương giải quyết. Tuy nhiên, những cơ hội tạo ra vì

mục đích đó không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa giảu quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị T, Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), sổ tạm trú(bản sao).

Bị đơn ông Đinh Văn T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ cho bị đơn. Tuy nhiên, ông T đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Đinh Văn T vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đủ các thủ tục tố tụng. Vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung khác. Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà T và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nay bà T có đơn xin ly hôn với ông T. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Đinh Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 16/4/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Các vấn đề có tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 06/07/2011 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T cho rằng sau ngày kết hôn, bà và ông T sống hạnh phúc cho đến năm 2018, thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống. Bà đã cố gắn chịu đựng để duy trì hôn nhân và không nhờ gia đình can thiệp hay chính quyền địa phương giải quyết nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ biên bản xác minh ngày 03/5/2019, đại diện UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định "Quá trình chung sống bà T và ông T có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên đánh nhau". Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông T là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc "ly hôn" đối với bị đơn ông Đinh Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đinh Văn T.

Về con chung: Đương sự khai không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0033543 ngày 04/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND p. P, tp. T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo